TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 132/2026/HNGĐ-ST Ngày 17-8-2026 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh ,

Bà Tạ Thị Hương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Thị Nhật Linh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Doan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2026/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2026/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Minh Đ, sinh năm 1993;

Căn cước công dân số: 034093000233 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/6/2023.

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên; có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Liễu D, sinh năm 2003;

Căn cước công dân số: 031303017142 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/02/2022.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố S, phường D, thành phố Hải Phòng; hiện đang bị tạm giam tại: Buồng giam CC3, trại Tạm giam số 1 - Công an thành phố H, địa chỉ: thôn P, xã A, thành phố Hải Phòng; có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Minh Đ trình bày: Anh tự nguyện kết hôn với chị Vũ Liễu D vào ngày 04/01/2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Hưng Yên). Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến giữa năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân từ đó. Đến cuối năm 2025, chị D bị bắt về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, tình cảm không còn; anh xin ly hôn chị Vũ Liễu D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con là Phạm Ngọc Mẫn N, sinh ngày 23/5/2024, hiện đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con đến khi đủ 18 tuổi. Hiện nay anh có công việc và thu nhập ổn định, có nơi ăn ở đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi con tốt nên không yêu cầu chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Vũ Liễu D trình bày: Thống nhất với anh Đ về thời gian điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau, không cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình, không thương yêu chăm sóc giúp đỡ nhau. Vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Đến ngày 19/11/2025 chị bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 1 - Công an thành phố H về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do tình cảm không còn, mâu thuẫn đã kéo dài trầm trọng, chị đồng ý ly hôn anh Phạm Minh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con là Phạm Ngọc Mẫn N, sinh ngày 23/5/2024, hiện đang do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị đồng ý để anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng con đến khi đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị đang bị tạm giam nên không thể có mặt theo giấy triệu tập của tòa án; chị đề nghị được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, chủ tọa phiên tòa công bố văn bản của các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt; công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, các đương sự đều có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Đ được ly hôn chị D. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Mẫn N, sinh ngày 23/5/2024 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Đ xin ly hôn chị D và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Chị D đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố số B, phường D, thành phố Hải Phòng; sau khi sắp xếp, tổ chức lại và đổi tên các tổ dân phố trên địa bàn phường D, hiện nay tổ dân phố S được thành lập trên cơ sở sáp nhập tổ dân phố số B, một phần tổ dân phố N, một phần tổ dân phố số 3. Vì vậy, địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay của chị D là tổ dân phố S, phường D, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Anh Đ và chị D vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đều đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1

Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị D xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 04/01/2023, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Hưng Yên). Quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị D được xác định là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến giữa năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau, không cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình, không thương yêu chăm sóc giúp đỡ nhau. Vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Đến ngày 19/11/2025 chị D bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 1 - Công an thành phố H về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Xét hôn nhân giữa anh Đ và chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu của anh Đ, cho anh Đ được ly hôn chị D là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Ngọc Mẫn N, sinh ngày 23/5/2024, hiện đang do anh Đ nuôi dưỡng. Mặc dù cháu Phạm Ngọc Mẫn N chưa đủ 36 tháng tuổi, nhưng hiện cháu đang do anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định; chị D đang bị tạm giam và đồng ý giao con cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; cần giao cháu Phạm Ngọc Mẫn N cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Minh Đ được ly hôn chị Vũ Liễu D.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Mẫn N, sinh ngày 23/5/2024 cho anh Phạm Minh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Phạm Minh Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007389 ngày 15 tháng 6 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Minh Đ đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 34, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Thị Minh **Tạ Thị Hương** **Phạm Thị Ngà**

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 6 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngà